

# KINH TẾ NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM

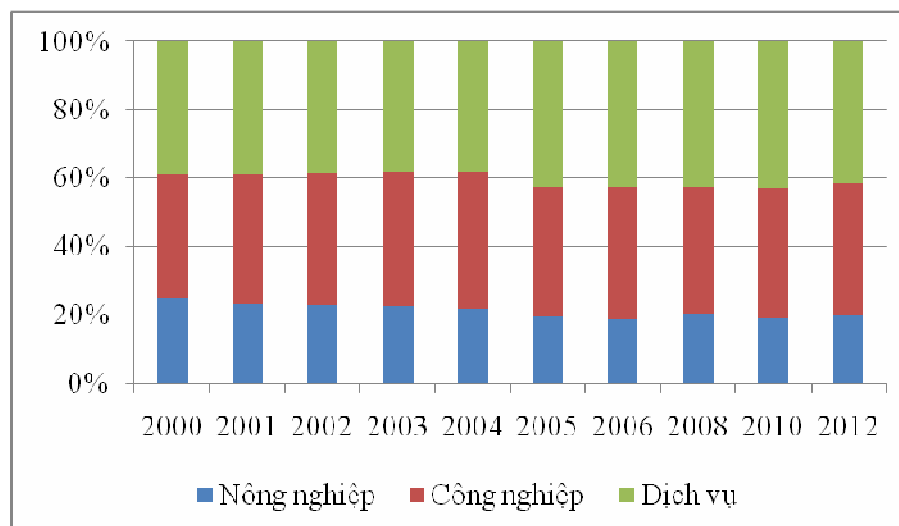
## VAI TRÒ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI

### 1.1 Vai trò của kinh tế nông thôn Việt Nam

#### 1.2.1 Nông nghiệp có đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế

Sản xuất nông nghiệp đã có sự tăng trưởng khá toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, bước đầu đã hình thành một nền sản xuất hàng hóa, nhiều vùng chuyên canh đã được xác lập, một số hàng nông sản của Việt Nam đã được thị trường thế giới biết đến và khẳng định vị thế trên thị trường thế giới. Mặc dầu tỷ lệ đóng góp của nông nghiệp trong cơ cấu GDP có xu hướng giảm đi, nhưng tới 2012 nông nghiệp vẫn còn đóng góp tới gần 20% tổng của cải làm ra. Đặc biệt, khối lượng và giá trị sản phẩm do nông nghiệp làm ra không ngừng tăng lên, nhờ đó nông nghiệp đã góp phần quan trọng vào ổn định và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Ngoài ra, nông nghiệp còn là khu vực tạo việc làm cho phần lớn lực lượng lao động xã hội. Đặc biệt, nông nghiệp còn là “bệ đỡ” cho nền kinh tế trong những năm kinh tế đất nước gặp khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, nhờ đó giúp giảm nhẹ các ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng kinh tế tới nền kinh tế cả nước.

**Hình 1: Đóng góp của nông nghiệp trong nền kinh tế**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển khá theo hướng sản xuất hàng hóa, đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn như vùng sản xuất lúa hàng hóa tại đồng bằng sông Cửu Long, vùng chuyên canh cây công nghiệp: cà phê ở Tây Nguyên, cao su ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, nuôi trồng thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Duyên hải, trái cây tại đồng bằng sông Cửu Long ...

Tốc độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp ổn định hơn so với các ngành kinh tế khác, nhất là trong những năm chịu ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng kinh tế thế giới. Trong giai đoạn 2006-2010, nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng bình quân 3,36%/năm, cao hơn so với mục tiêu 3,2%/năm do Đảng đề ra. Năm 2008 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, cả hai ngành công nghiệp và dịch vụ đều gặp khó khăn nên tốc độ tăng trưởng giảm mạnh, duy chỉ có nông nghiệp vẫn duy trì tốc độ tăng, nhờ đó giúp hạn chế bớt khó khăn cho nền kinh tế. Tuy nhiên từ năm 2009 đến nay, sản xuất và tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng sản xuất nông nghiệp có xu hướng chững lại. Trung bình giai đoạn 2009-2013 chỉ đạt 2,9%/năm, trong đó nông nghiệp có tốc độ tăng thấp hơn cả với 2,5%/năm, lâm nghiệp đạt 5%/năm và thủy sản đạt 4%/năm.

**Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp giai đoạn 2005-2012**

|             | 2005 | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
|-------------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nông nghiệp | 4.2  | 3.8  | 4.0  | 4.7  | 1.9  | 3.3  | 4.0  | 2.7  |
| Công nghiệp | 8.4  | 7.3  | 7.4  | 4.1  | 6.0  | 7.2  | 6.7  | 5.8  |
| Dịch vụ     | 8.6  | 8.4  | 8.5  | 7.6  | 6.6  | 7.2  | 6.8  | 5.9  |
| GDP         | 7.6  | 7.0  | 7.1  | 5.7  | 5.4  | 6.4  | 6.2  | 5.3  |

Nguồn: Tổng cục Thống kê

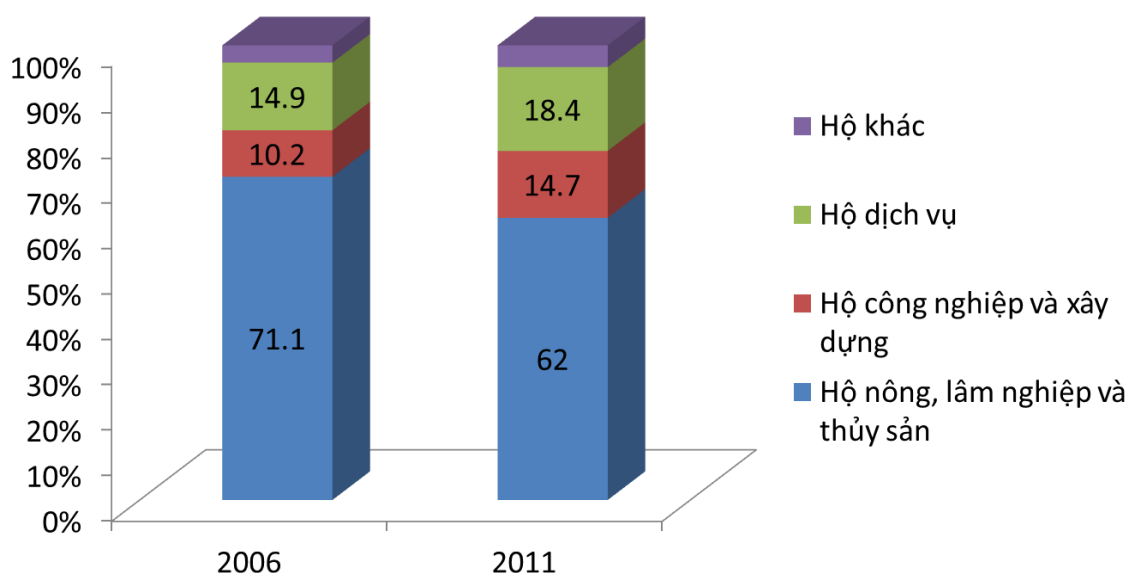
### **1.2.2 Cơ cấu kinh tế nông thôn có sự chuyển dịch tích cực**

Cùng với phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, các hoạt động kinh tế khác trong nông thôn không ngừng được phát triển. Cơ cấu kinh tế nông thôn đang chuyển dần từ kinh tế thuần nông sang các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Năm 2012, công nghiệp và dịch vụ đã chiếm 61% trong cơ cấu kinh tế nông thôn, tăng 2% so với năm 2008. Giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn (CNNT) luôn có mức tăng trưởng cao hơn giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp. Nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong đó có cụm công nghiệp chế

biến ở nông thôn như các cụm nhà máy chế biến lương thực, thực phẩm rau quả, cá tra, tôm, chè, cà phê, điều... ở các vùng nguyên liệu, đặc biệt khu vực ĐBSCL, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ đã được hình thành. Hệ thống dịch vụ ở nông thôn có bước phát triển, nhất là dịch vụ cơ giới hoá nông nghiệp và dịch vụ thương mại cung ứng vật tư nông nghiệp và tiêu thụ nông sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, thú y, bảo vệ thực vật. Du lịch nông thôn gắn kết với văn hoá truyền thống và sinh thái đang được nhiều địa phương chú trọng phát triển.

Cơ cấu ngành nghề của các hộ gia đình nông thôn có sự thay đổi tích cực, tỷ lệ hộ nông nghiệp giảm mạnh, tỷ lệ hộ phi nông nghiệp tăng nhanh.

**Hình 2: Thay đổi cơ cấu hộ trong nông thôn**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đa dạng hóa hoạt động kinh tế làm cho cơ cấu nguồn thu của hộ gia đình nông thôn có sự thay đổi đáng kể, mặc dầu tỷ trọng thu nhập từ nông nghiệp đã giảm đi đáng kể nhưng nông nghiệp vẫn còn là ngành kinh tế quan trọng trong nông thôn, nhất là đối với hộ gia đình nghèo, thuần nông, hộ gia đình sinh sống ở vùng sâu, vùng xa. Có sự tăng lên đáng kể và thể hiện vai trò ngày càng quan trọng của hoạt động làm công ăn lương (thu từ tiền công) và đây là kết quả tất yếu của quá trình công nghiệp hóa khi mà lao động nông nghiệp được thu hút và chuyển dần sang làm việc tại các ngành khu công nghiệp, tham gia vào các hoạt động dịch vụ.

**Bảng 2: Cơ cấu nguồn thu nhập của hộ gia đình**

| % thu nhập từ                          | 2006        |       | 2010        |       |
|----------------------------------------|-------------|-------|-------------|-------|
|                                        | Không nghèo | Nghèo | Không nghèo | Nghèo |
| Chăn nuôi                              | 15.3        | 30.0  | 18.6        | 32.9  |
| Trồng trọt                             | 4.3         | 6.9   | 6.3         | 8.4   |
| Thủy sản và hoạt động nông nghiệp khác | 3.4         | 8.9   | 4.4         | 9.9   |
| Sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp    | 19.8        | 6.8   | 19.1        | 5.0   |
| Tiền công                              | 41.4        | 33.0  | 30.5        | 28.6  |
| Tiền gửi bên ngoài                     | 9.1         | 8.0   | 11.3        | 9.1   |
| Thu nhập khác                          | 6.7         | 6.4   | 9.7         | 6.1   |

Nguồn: Tổng cục Thống kê

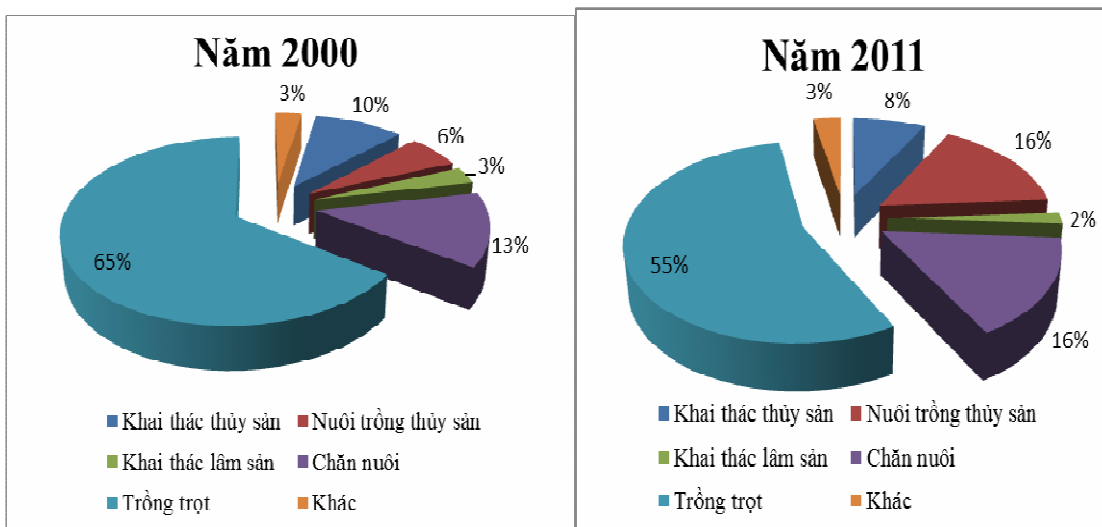
Cơ cấu sản xuất nông nghiệp có sự chuyển biến tích cực. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản cũng đang diễn ra sự thay đổi tích cực. Mặc dầu về giá trị tuyệt đối, cả ba ngành đều tăng mạnh nhưng đang có sự chuyển dịch về tỷ trọng của các ngành. Nông nghiệp vẫn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất nhưng đang có xu hướng giảm dần, các ngành lâm nghiệp và thủy sản đang nâng dần tỷ trọng của mình trong cơ cấu ngành. Cơ cấu mùa vụ có sự thay đổi rõ rệt, đáp ứng tốt hơn với biến động của nhu cầu thị trường, thích nghi hơn với thay đổi trong biến đổi khí hậu.

**Hình 3: GDP ngành nông nghiệp (tỷ đồng, giá so sánh 1994)**

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp đang diễn ra rộng khắp theo hướng hướng về xuất khẩu, phục vụ CNH, HĐH. Sản xuất nông nghiệp bước đầu đã đi vào khai thác lợi thế so sánh của từng địa phương. Trong vòng hơn một thập kỷ gần đây đã cho thấy có sự thay đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất các ngành và phân ngành trong nông nghiệp. Tỷ lệ ngành trồng trọt đã giảm mạnh, tuy vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, chăn nuôi có sự tăng đáng kể, đặc biệt ngành nuôi trồng thủy sản có sự gia tăng mạnh cho thấy sự chuyển dịch mạnh mẽ từ thủy sản đánh bắt sang nuôi trồng, tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho chế biến, xuất khẩu thủy sản.

**Hình 4: Chuyển dịch cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp**



Nguồn: Tính toán từ số liệu Tổng cục Thống kê

Cụ thể trong từng phân ngành như sau:

- Trong ngành trồng trọt, sản lượng lương thực có hạt sản xuất năm 2012 đạt 48,5 triệu tấn, tăng hơn 12% so với năm 2008<sup>1</sup>. Cơ cấu mùa vụ đã có sự chuyển biến rõ rệt từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu. Một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn đã được hình thành (lúa gạo, cao su, cà phê, chè, điều tiêu ...)

- Trong ngành chăn nuôi, sản lượng thịt hơi các loại năm 2012 đạt 4,27 triệu tấn (tăng 975 ngàn tấn so với năm 2008). Chăn nuôi chuyển mạnh từ quy mô hộ gia đình kiểu tận dụng sang phương thức bán công nghiệp, công nghiệp; chăn nuôi trang trại đang từng bước thay thế hình thức chăn nuôi nông hộ để có điều kiện áp dụng an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ.

- Trong ngành lâm nghiệp, đã có sự dịch chuyển theo hướng kinh doanh rừng tổng hợp và xã hội hóa nghề rừng, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động, góp phần xóa đói, giảm nghèo và đang giữ vai trò lớn trong phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái. Tỷ lệ che phủ rừng không ngừng tăng, hiện đạt 40%.

- Trong ngành thủy sản, sản lượng thủy sản năm 2012 đạt hơn 5,73 triệu tấn (tăng 24,6% so với năm 2008), trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3,1 triệu tấn (tăng 24% so với năm 2008)<sup>2</sup>. Ngành thủy sản đang có sự chuyển hướng mạnh từ nuôi trồng thủy sản quảng canh sang nuôi bán thâm canh, thâm canh; chuyển dần từ nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình sang hình thức nuôi theo tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp. Chương trình khai thác hải sản cơ cấu theo hướng giảm khai thác gần bờ, tăng đánh bắt xa bờ, gắn với an ninh quốc phòng và kinh tế biển.

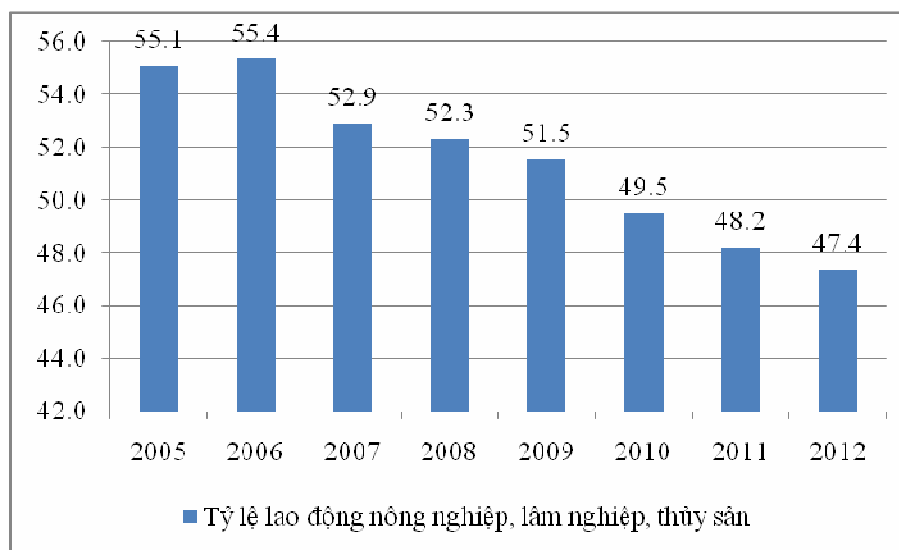
Cơ cấu lao động trong nông thôn có sự chuyển dịch tích cực. Mặc dầu lao động nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lao động nông thôn nhưng năm 2010 là năm đầu tiên chứng kiến sự thay đổi giảm cả về số tuyệt đối và số tương đối lao động nông nghiệp. Đây là kết quả của quá trình phân đấu chuyển dịch cơ cấu ngành nghề và thu hút lao động khỏi nông nghiệp.

---

<sup>1</sup> Riêng sản lượng lúa năm 2012 đạt 43,7 triệu tấn, tăng 5,1 triệu tấn so với năm 2008

<sup>2</sup> Năm 2008, tổng sản lượng thủy sản của Việt Nam đạt 4,6 triệu tấn, trong đó nuôi trồng đạt gần 2,5 triệu tấn và khai thác đạt trên 2,1 triệu tấn, đưa Việt Nam lên vị trí thứ 3 về sản lượng nuôi trồng thủy sản và đứng thứ 13 về sản lượng khai thác thủy sản trên thế giới. Cũng trong năm này, Việt Nam xuất khẩu được trên 4,5 tỷ USD hàng thủy sản, đứng thứ 6 về giá trị xuất khẩu thủy sản.

**Hình 5: Tỷ lệ lao động NLTS trong tổng lực lượng lao động xã hội**

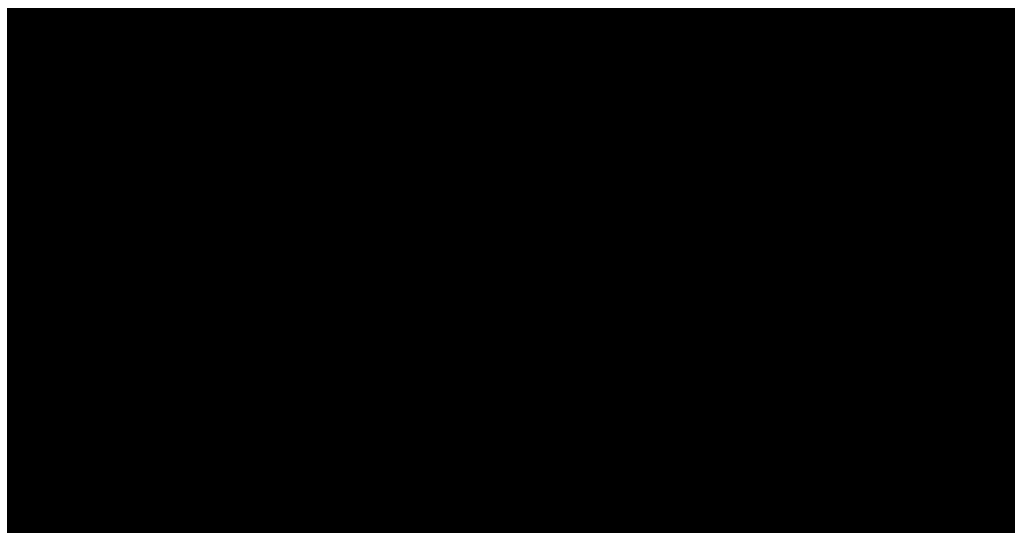


Nguồn: Tính toán từ số liệu TCTK

### ***1.2.3 Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia nhưng vẫn duy trì được tốc độ tăng xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản***

Sản xuất lương thực tiếp tục được duy trì là cây trồng chính, hình thành vùng chuyên canh lúa nước. Đặc biệt đã có chính sách về đảm bảo duy trì và bảo vệ diện tích trồng lúa nước hai vụ năng suất cao phục vụ cho mục tiêu an ninh lương thực quốc gia. Cùng với duy trì và bảo vệ diện tích lúa nước là các biện pháp về canh tác, đưa giống mới, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Nhờ đó sản lượng lương thực nói chung và sản lượng lúa nói riêng liên tục được nâng cao, về phương diện quốc gia, an ninh lương thực liên tục được giữ vững, ngay cả khi có biến động mạnh về giá lương thực trên thị trường thế giới. Việt Nam liên tục là một trong những nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới (những năm gần đây, xuất khẩu gạo của Việt Nam đã đạt trên 7 triệu tấn gạo và tới nhiều thị trường khác nhau trên thế giới, ngoài các thị trường truyền thống còn mở rộng sang nhiều thị trường mới), xuất khẩu gạo luôn là một trong những hàng hóa mang lại ngoại tệ lớn cho đất nước.

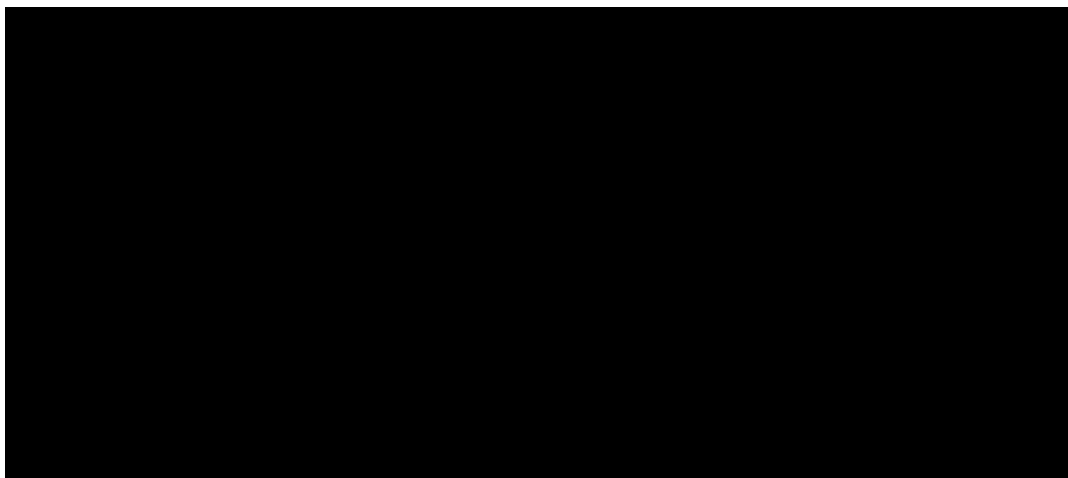
### **Hình 6: Kim ngạch xuất khẩu nông sản (Triệu USD)**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng liên tục, đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa, khuyến khích hình thành một số ngành sản xuất quy mô lớn, nâng cao năng lực cạnh tranh hàng nông sản trên thị trường thế giới. Giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu từ năm 2008-2013 đạt 113,3 tỷ USD, đạt tốc độ tăng bình quân đạt 11,4 %/năm. Nông sản luôn là ngành xuất siêu, nhờ đó góp phần giảm áp lực ngoại tệ cho đất nước.

### **Hình 7: Cán cân thương mại cả nước và ngành nông nghiệp (Triệu USD)**





Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### ***1.2.4 Huy động được đáng kể nguồn lực xã hội đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn***

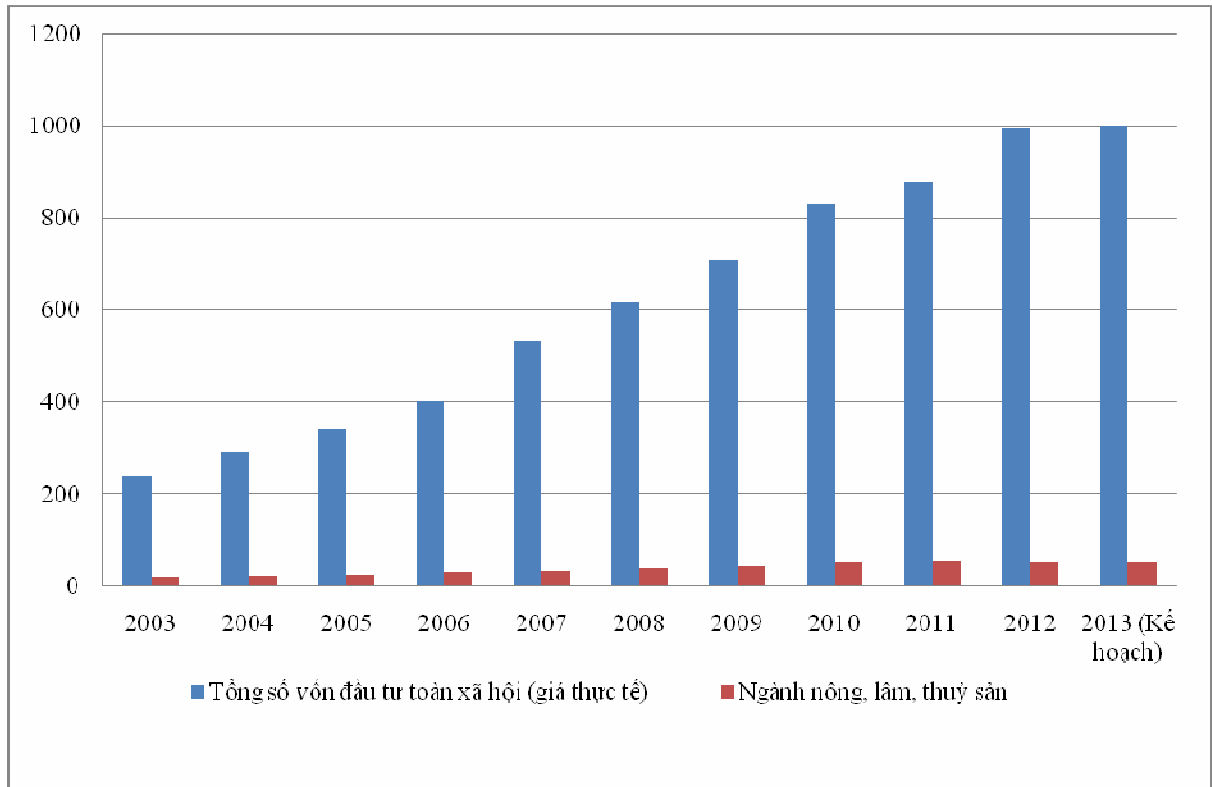
Trong thời gian qua, đặc biệt từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết 26/NQ-TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, với sự nỗ lực và vào cuộc của cả hệ thống chính trị vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước và các địa phương đã ban hành nhiều chính sách, đề ra nhiều biện pháp thiết thực nhằm huy động nguồn lực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Trong bối cảnh tổng vốn đầu tư toàn xã hội tuy vẫn tăng về số lượng nhưng có sự thay đổi mạnh về tốc độ cũng tỷ lệ so với GDP và cơ cấu vốn đầu tư (cụ thể, theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong giai đoạn 2004- 2008, tổng số vốn đầu tư toàn xã hội tăng trưởng bình quân trên 20%/năm; bằng 42,16% GDP, trong đó vốn đầu tư khu vực nhà nước bao gồm ngân sách nhà nước, vốn ODA, vốn DNNN chiếm tỷ trọng 42% tổng vốn đầu tư xã hội, từ khu vực ngoài nhà nước bao gồm doanh nghiệp, tư nhân chiếm 36,6%, từ khu vực nước ngoài FDI là 21,2%. Trong giai đoạn từ 2009-2013, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng trên 10%/năm nhưng so với GDP chỉ bằng khoảng 35,28%. Trong đó vốn đầu tư khu vực nhà nước chiếm 34% tổng vốn đầu tư xã hội, vốn đầu tư ngoài nhà nước chiếm 45%, và từ khu vực FDI chiếm 21,2%)

Như vậy, thay đổi cơ cấu tổng vốn đầu tư xã hội đang diễn ra theo giảm tỷ trọng vốn đầu tư khu vực nhà nước (giảm 8 điểm phần trăm trong hai giai đoạn 2004-2008 và 2009-2013), tăng tỷ trọng vốn đầu tư khu vực tư nhân trong nước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vẫn giữ vững được tỷ lệ đóng góp trong cơ cấu vốn đầu tư

Trong khu vực nông nghiệp, nông thôn, đầu tư cho nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội cũng tăng đều theo các năm (tương ứng trong giai đoạn 2004-2008 là 17%/năm, giai đoạn 2009-2013 là 5,8%/năm). Mặc dầu về số lượng vốn đầu tư cho sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2009-2013 tăng 67% so với 5 năm 2004-2008, nhưng tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản lại giảm dần. Đầu tư cho nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 8,5% vốn đầu tư toàn xã hội trong năm 2003, năm 2013 giảm xuống còn 5,3%.

**Hình 8: Vốn đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2003-2013**



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đặc biệt trong những năm gần đây khi thực hiện chủ trương tăng các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ luôn được Quốc hội, Chính phủ ưu tiên phân bổ cho các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nhờ vậy, tỷ trọng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khu vực nông thôn tăng liên tục trong những năm qua. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong giai đoạn 2009-2013 (từ khi thực hiện Nghị quyết 26/TW đến nay), nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là 520.491 tỷ đồng, bằng 51,67% tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ, gấp 2,62 lần số vốn đã bố trí cho lĩnh vực giai đoạn 5 năm trước khi có Nghị quyết.

### **1.2.5. Kết cấu hạ tầng nông thôn được cải thiện và nâng cấp đáng kể**

Kết cấu hạ tầng nông thôn ngày càng được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện, nhờ đó đã tạo ra diện mạo mới cho nông thôn, là tiền đề để nâng cao đời sống tinh thần, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư ở nông thôn. An ninh chính trị tiếp tục được giữ vững, hệ thống chính trị ở cơ sở được tăng cường, vị thế của giai cấp nông dân được nâng cao, dân chủ ở cơ sở ngày càng được phát huy.

Hệ thống thủy lợi được quan tâm đầu tư, tỷ lệ tưới tiêu chủ động đạt trên 90%. Tổng năng lực tưới của hệ thống thủy lợi đạt 9,5 triệu ha đất canh tác, đảm bảo tưới cho 6,9 triệu ha trồng lúa, khoảng 1,5 triệu ha rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày, tiêu thoát nước cho 1,7 triệu ha đất nông nghiệp, đáp ứng 73,6% nhu cầu sản xuất và dân sinh, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng sống của người dân, tăng năng suất, sản lượng và chất lượng các loại cây trồng.

Hệ thống giao thông nông thôn được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tính đến năm 2012, đã có 98,6% số xã có đường ô tô đến trụ sở UBND xã, chiếm trong đó 90% số xã có đường ô tô được nhựa hoá, bê tông hoá, 89,5% số thôn có đường ô tô có thể đi đến.

Hệ thống điện nông thôn tiếp tục được nâng cấp và mở rộng. Đến năm 2012, đã có tới 99,8% số xã và 95,5% số thôn có điện.

Hạ tầng thương mại ở nông thôn được đầu tư, tổng số chợ trên địa bàn nông thôn đến hết năm 2012 là 6.721, tăng 157 chợ so với năm 2008; có 84 chợ đầu mối nông sản cấp vùng và cấp tỉnh; 57,6% số xã đã có chợ.

Hệ thống cơ sở vật chất ngành giáo dục được quan tâm xây dựng. Quy mô, mạng lưới trường, lớp học ở vùng nông thôn vẫn tiếp tục tăng. Đến nay 100% các tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đã có khoảng 21,9% số xã cả nước đạt chuẩn về tiêu chí trường học.

Hệ thống các trạm y tế trên cả nước được tăng cường, đến nay đã có 99,51% số xã có trạm y tế (trong đó khoảng 45% xã đạt chuẩn quốc gia).

Tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 82% vào năm 2012, tăng thêm 12% so với năm 2008.

Hệ thống mạng lưới thông tin, văn hoá, thể thao nông thôn có sự phát triển mạnh. Đến năm 2012, cả nước có 44,8% số xã có Trung tâm văn hoá – Thể thao xã; 62,7% số thôn có nhà văn hoá/nhà sinh hoạt cộng đồng, 48,65% thôn được công nhận là làng văn hoá.

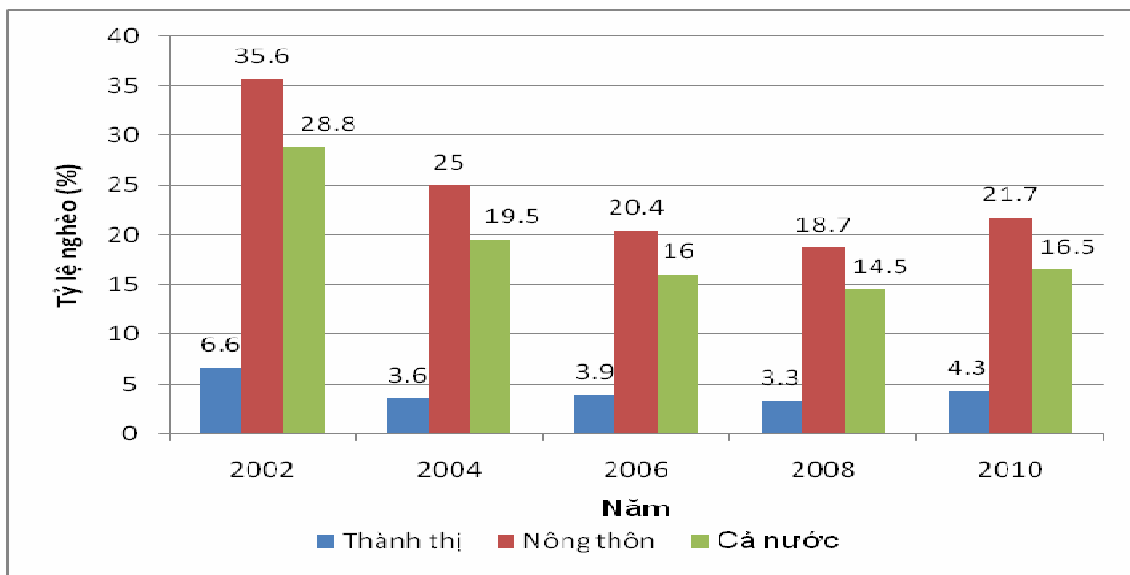
Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đã phát triển đến các xã vùng sâu, vùng xa. Internet tốc độ cao đã đến được hầu hết các điểm bưu điện văn hóa xã, khoảng

55% số xã có điểm truy nhập internet công cộng, vùng phủ sóng 3G đã đạt trên 80% dân số, tỷ lệ xã có điện thoại công cộng là 97%. Hầu hết người dân khu vực nông thôn được sử dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông phổ cập.

**1.2.6. Công tác XDGN đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn ngày càng được cải thiện**

Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm bình quân 2%/năm. Tỷ lệ nghèo nông thôn năm 2010 nếu tính theo chuẩn cũ còn 13,2%. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a đã giảm từ 58,33% (năm 2010) xuống còn 43,89% (năm 2012), bình quân giảm trên 7%/năm; Các địa phương đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho 530.294 hộ nghèo, đạt tỷ lệ 107% so với số hộ được phê duyệt ban đầu, đạt 99,9% so với số hộ thực tế phải hỗ trợ sau khi rà soát, bổ sung.

**Hình 9: Tỷ lệ nghèo**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận cư dân nông thôn được cải thiện, an sinh xã hội được quan tâm phát triển, người dân tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa xã hội.

Thu nhập bình quân của người dân nông thôn liên tục tăng, năm 2013 ước đạt khoảng 19,97 triệu đồng/người/năm tăng 10,77 triệu so với năm 2008, trong đó thu nhập từ sản xuất nông lâm ngư nghiệp chỉ còn khoảng 31,7% (đã giảm 7,7% so với năm 2008).

Đời sống về vật chất, tinh thần của hộ nghèo và người nghèo tiếp tục được nâng lên; người nghèo được hỗ trợ nâng cao một bước về điều kiện sống, tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực của nhà nước và cộng đồng; có được cơ hội vươn lên, tạo thu nhập để thoát nghèo, ổn định cuộc sống và phát triển.

Trong hơn 4 năm (từ năm 2009 đến tháng 6/2013), cả nước giải quyết việc làm cho 6.901.237 người. Tạo việc làm trong nước 6.534.500 người, bình quân mỗi năm tạo được hơn 1,45 triệu việc làm mới. Đã xuất khẩu lao động được 366.737 người trong đó có khoảng 10.000 lao động từ các huyện nghèo.

Đã có trên 2,5 triệu đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng, tăng trên 250 nghìn người so với năm 2009; nuôi dưỡng, chăm sóc trên 40 nghìn người trong các cơ sở bảo trợ xã hội. Nhà nước trợ cấp đột xuất hàng nghìn tỷ đồng và hàng chục nghìn tấn lương thực, chủ yếu là để trợ giúp khắc phục thiên tai hàng năm;

Tính đến hết năm 2012, đã có 10,3 triệu người ở nông thôn, (tăng 24,1% so với năm 2008) tham gia bảo hiểm xã hội; số người tham gia bảo hiểm y tế ở nông thôn đã đạt 59,3 triệu người, chiếm 66,8% dân số cả nước, tăng 6,9 triệu người so với năm 2010.

Bảo hiểm nông nghiệp đã được triển khai thí điểm bước đầu có kết quả ở 20 tỉnh, thành phố với 234.235 hộ dân đã tham gia ký hợp đồng bảo hiểm (trong đó có 80,8% là hộ nghèo) với giá trị bảo hiểm cây trồng, vật nuôi, thủy sản là 3.437,6 tỷ đồng.

Nhiều phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao khu vực nông thôn từng bước được đẩy mạnh. Phong trào thi đua xây dựng nếp sống văn minh, đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư được triển khai và thu được nhiều kết quả.

### ***1.2.7 Thách thức đối với phát triển kinh tế nông thôn thời gian tới***

Tăng trưởng sản xuất nông nghiệp tuy vẫn tăng trưởng dương nhưng tốc độ đã chậm lại nhất là trong những năm gần đây, sản xuất nông nghiệp cho thấy đã dần tới hạn nếu vẫn tiếp tục tăng trưởng theo chiều rộng mà không có sự thay đổi về chất.

Mặc dù vậy, sản xuất nông nghiệp đã bắt đầu theo hướng hiện đại nhưng chuyển biến còn chậm, chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành hàng chưa rõ ràng, sức cạnh tranh của sản phẩm thấp thấp, thiếu bền vững, mới tập trung phát triển về lượng mà chưa chú trọng phát triển về chất.

Sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún chủ yếu ở qui mô hộ gia đình, công nghệ sản xuất, chế biến phổ biến còn lạc hậu, chủ yếu là thủ công, mức độ cơ giới hóa còn thấp;

Chiến lược phát triển các ngành hàng chưa rõ ràng, phổ biến là sản xuất mang tính mùa vụ, chạy theo lợi nhuận trước mắt, chưa hình thành các chuỗi giá trị hoàn chỉnh gắn sản xuất với chế biến tiêu thụ nên dễ bị tổn thương do tác động của thời tiết, dịch bệnh và biến động lớn của thị trường.

Quy hoạch sản xuất nông lâm thủy sản thiếu được quản lý nên nhiều loại nông sản xuất khẩu truyền thống của nước ta đang có nguy cơ vỡ quy hoạch<sup>3</sup>.

Sức cạnh tranh của nhiều nông sản xuất khẩu đang giảm (thậm chí thấp) do nông sản chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế, còn nhiều mặt hạn chế về chất lượng, giá trị gia tăng, giá cả. Nhiều loại sản phẩm chưa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, hiệu quả chưa cao (thiếu thông tin thị trường, nguồn nguyên liệu không ổn định, công nghệ chế biến, bảo quản còn lạc hậu, tổn thất lớn, đa số sản phẩm xuất khẩu ở dạng thô, nhiều sản phẩm chủ lực có lợi thế nhưng chưa có thương hiệu).

Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản cũng chậm lại, nhất là từ sau khi gia nhập WTO, nhiều mặt hàng mặc dầu khối lượng xuất khẩu tăng nhưng giá trị kim ngạch tăng không tương xứng, thậm chí không tăng

Sản xuất hàng hóa quy mô lớn trong nông nghiệp chưa nhiều, chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp còn thấp, chưa có nhiều sản phẩm chế biến sâu, gắn với thị trường tiêu thụ; lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp thấp, rủi ro cao, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi chưa được khống chế; sản xuất theo tiêu chuẩn Viet.GAP, nông nghiệp xanh, hữu cơ còn hạn chế.

Việc ứng dụng, chuyển giao các thành tựu khoa học công nghệ còn chậm; việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị mới chỉ diện hẹp trên một số sản phẩm và rất hạn chế. Nông dân không “mặn mà” đầu tư thâm canh vào sản xuất nông nghiệp; hiện tượng bỏ hoang, hóa ngày càng nhiều; hiệu quả sử dụng đất còn thấp.

Kết cấu hạ tầng theo yêu cầu phát triển một nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại còn yếu, nhất là hạ tầng đáp ứng sản xuất công nghệ cao, nước sạch, vệ sinh môi trường, phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu.

---

<sup>3</sup> Theo quy hoạch đến năm 2020 của ngành lúa gạo diện tích canh tác 7.030.000ha, nhưng năm 2012 đã đạt 7.753.000ha; cà phê kế hoạch 550.000ha vào năm 2015 nhưng hiện đã lên tới 622.000ha; cao su quy hoạch là 800.000ha nhưng diện tích hiện đã đạt 911.000ha; hồ tiêu cũng vượt quy hoạch 6.000ha

Mặc dù là nước xuất khẩu trên 7 triệu tấn lương thực mỗi năm, nhưng ở nhiều vùng vẫn thiếu lương thực, nhiều địa phương diện tích ruộng trồng lúa hàng hóa ít, hiệu quả thấp, nhưng các hộ nông dân vẫn bị “trói” vào mục đích trồng lúa bởi hai lý do : phải trồng lúa mới đảm bảo được ổn định lương thực cho gia đình, hoặc địa phương không cho chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác do đã “quy hoạch” vào đất lúa, mặc dù chỉ có mấy sào ruộng. Chiến lược “an ninh lương thực” và việc quy hoạch sản xuất - điều tiết lương thực phải được đặt trên tầm tổng thể quốc gia, gắn với lợi thế của các vùng, với sự điều tiết lương thực rất hiệu quả của Nhà nước giữa các vùng; tạo cơ sở và điều kiện cho ruộng đất cùng với kinh tế hộ nông dân được vận động và lưu chuyển có hiệu quả ngày càng cao hơn theo hướng sản xuất hàng hóa.

Đời sống của cư dân nông thôn còn ở mức thấp, chuyển biến chậm, khoảng cách so với các tầng lớp khác ngày càng xa, một số vấn đề bức xúc chưa được giải quyết triệt để.

Thu nhập thực tế và đời sống nông dân tăng chậm, còn ở mức thấp và chịu nhiều thiệt thòi trong hưởng thụ phúc lợi xã hội (nhất là về giáo dục và y tế).

Công tác giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo cao, khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, mức sống giữa nông dân miền xuôi và miền núi đang doãng ra. Một bộ phận cư dân nông thôn có đời sống rất bấp bênh, dễ bị tổn thương. Nhiều vùng tỷ lệ đói nghèo còn cao và khoảng cách giữa các vùng, miền có xu hướng mở rộng

**Bảng 3: Tỷ lệ nghèo theo vùng**

| Vùng                | Năm  |      |      |      |      | Thay đổi<br>2002-10 |
|---------------------|------|------|------|------|------|---------------------|
|                     | 2002 | 2004 | 2006 | 2008 | 2010 |                     |
| Đồng bằng sông Hồng | 22.4 | 12.1 | 8.8  | 8.1  | 7.6  | -14.8               |
| Đông Bắc            | 38.4 | 29.4 | 25.0 | 24.3 | 29.6 | -8.9                |
| Tây Bắc             | 68.0 | 58.6 | 49.0 | 45.7 | 50.2 | -17.8               |
| Bắc Trung Bộ        | 43.9 | 31.9 | 29.1 | 22.6 | 22.9 | -21.1               |
| Nam Trung Bộ        | 25.2 | 19.0 | 12.6 | 13.7 | 14.6 | -10.5               |

|             |      |      |      |      |      |       |
|-------------|------|------|------|------|------|-------|
| Tây Nguyên  | 51.8 | 33.1 | 28.6 | 24.1 | 24.5 | -27.3 |
| Đông Nam Bộ | 10.5 | 5.4  | 5.8  | 3.5  | 8.0  | -2.5  |
| ĐBSCL       | 23.4 | 15.9 | 10.3 | 12.3 | 15.7 | -7.7  |
| Cả nước     | 28.8 | 19.5 | 16.0 | 14.5 | 16.5 | -12.3 |

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Mặc dầu về tổng thể, cơ sở hạ tầng nông thôn vẫn phát triển nhưng chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống người dân, chưa đồng đều, nhất là ở các tỉnh miền núi và đồng bằng sông Cửu Long. Nhiều công trình chậm tiến độ, kém chất lượng, chi phí cao, chưa bền vững. Hệ thống hạ tầng phục vụ phòng chống thiên tai, xử lý môi trường còn ít hoặc chậm được đầu tư, nâng cấp.

Công tác quản lý, khai thác, sử dụng hạ tầng còn yếu, hiệu quả thấp, chưa chú trọng về duy tu, bảo dưỡng, nhất là các vùng khó khăn ở các tỉnh Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long

Chuyển dịch cơ cấu lao động chậm, lao động dư thừa đang tạo sức ép rất lớn cho địa phương và khu vực nông thôn. Trong số hơn 1,3 triệu người thiếu việc làm và hơn 857 nghìn người thất nghiệp trong tổng số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên thì có tới 83,3 % số người thiếu việc làm đang sinh sống ở khu vực nông thôn.

Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế còn nhiều bất cập, chưa được người dân quan tâm chủ động tham gia.

### **1.3 Định hướng phát triển của kinh tế nông thôn thời gian tới**

#### **1.3.1 Bối cảnh trong nước và quốc tế**

##### **a. Bối cảnh quốc tế**

Thế giới bước sang thế kỷ 21 với xu thế nổi bật là quá trình chuyển sang nền kinh tế tri thức, toàn cầu hoá, khu vực hoá. Tuy đang phải trải qua thời kỳ khó khăn trước mắt bởi cuộc khủng hoảng kinh tế xảy ra cuối năm 2008 xuất phát từ Mỹ, song những thập kỷ tiếp theo của thế kỷ này sẽ vẫn chứng kiến các giai đoạn tiếp tục phát triển mới với những biến đổi sâu sắc và nhanh chóng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Xu hướng phát triển này sẽ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nhiều quốc



gia theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại, giúp cho nhiều triệu người trên toàn thế giới thoát khỏi cảnh nghèo đói.

Mặc dù như vậy, khu vực nông nghiệp vẫn còn đóng vai trò nền tảng của quá trình phát triển và giảm nghèo của thế giới trong nửa đầu thế kỷ này (Ngân hàng thế giới, 2008). Sở dĩ như vậy là vì  $\frac{3}{4}$  người nghèo trên toàn thế giới hiện đang sống dựa chủ yếu vào nguồn thu nhập từ hoạt động nông nghiệp. Đặc biệt, đối với các nước đang phát triển, nông nghiệp và nông thôn vẫn là khu vực tạo việc làm đáng kể cho phần lớn lực lượng lao động, là khu vực góp phần duy trì cân bằng sinh thái và cung cấp nguồn lương thực cần thiết cho đời sống của người dân.

Sang thế kỷ 21, lĩnh vực nông nghiệp trên thế giới sẽ phát triển theo hướng hiệu quả, với các mô hình đa dạng phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa của mỗi nước. Các nước có nền kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn sẽ chuyển dần sang hướng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có giá trị gia tăng cao, với năng suất cao nhờ áp dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Cùng với xu hướng công nghiệp hóa, diện tích đất nông nghiệp tại các nước đang phát triển và kém phát triển sẽ dần bị thu hẹp để nhường đất cho phát triển lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Nông dân trong thế kỷ này không chỉ cần có vốn, kiến thức, am hiểu công nghệ trong nông nghiệp mà còn cần cả sự hiểu biết về thị trường, kỹ năng quản trị. Chính vì vậy, họ đòi hỏi phải được trang bị những kỹ năng và có trình độ nhất định phù hợp với bối cảnh phát triển chung toàn cầu.

Hiện nay, nhiều nhà hoạch định chính sách ở nhiều quốc gia đã và đang dần thay đổi cách tiếp cận đối với chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn. Theo đó, chính sách truyền thống hướng vào phát triển theo từng lĩnh vực, ngành cụ thể sẽ được thay thế bằng chính sách phát triển tổng thể có sự gắn kết giữa các lĩnh vực. Nông thôn ngày nay không phải chỉ là nơi tập trung các hoạt động sản xuất nông nghiệp mà bên cạnh đó sẽ còn phát triển nhiều loại hình hoạt động kinh tế khác. Mô hình nông thôn mới đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách cần có cách tiếp cận mới đối với chiến lược phát triển, đặc biệt là phát triển vùng dựa trên những lợi thế của từng khu vực đồng thời thích ứng với những thay đổi của biến đổi khí hậu.

Đối với một nước đang ở trình độ phát triển thấp, vừa thoát ra khỏi nước chậm phát triển, trở thành nước có thu nhập trung bình thấp như Việt Nam hiện nay, nếu chúng ta nắm bắt cơ hội và tận dụng được các lợi thế mà thời đại tạo ra thì chắc chắn sẽ lựa chọn được mô hình, chiến lược phát triển nông thôn với cơ cấu kinh tế phù hợp, tạo ra bước phát triển mạnh mẽ và vững chắc cho quốc gia. Bên cạnh đó cần phải quan tâm đến phát triển con người, giữ gìn bản sắc văn hóa, phòng chống những tệ nạn xã hội toàn cầu, chống khủng bố... Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả lao động của mỗi quốc gia.

### ***b. Bối cảnh trong nước***

### **\* *Bối cảnh chung của nền kinh tế***

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt những thành tựu to lớn về tăng trưởng kinh tế, nhất là đã trụ vững sau những biến động của khủng hoảng kinh tế thế giới. Bước sang thập kỷ thứ hai của thế kỷ 21, Việt Nam sẽ có thế và lực mới, điểm xuất phát mới cho quá trình phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá với những thuận lợi chủ yếu sau:

- Việt Nam có nguồn nhân lực dồi dào, trình độ văn hoá khá cao so với những nước đang phát triển khác cùng xuất phát điểm; giá nhân công tương đối thấp so với các nước trong khu vực. Con người Việt Nam có tính dễ thích ứng và dễ tiếp thu công nghệ kỹ thuật mới. Tiềm năng con người Việt Nam thực sự là một thế mạnh nếu biết phát huy trí tuệ của từng người dân. Việt Nam có vị trí địa lý - kinh tế thuận lợi, ở trung tâm vùng Đông Nam Á, điểm giao thoa của các nền kinh tế khu vực và thế giới. Việt Nam còn có các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, là điều kiện tốt để phát triển một số ngành kinh tế quan trọng.

- Sau gần 30 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam đã đạt được sự phát triển khá cao và ổn định. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu thu – chi, tích lũy-tiêu dùng, xuất - nhập khẩu...có nhiều tiến bộ. Nhiều ngành, nhiều doanh nghiệp đã có sức cạnh tranh trong thị trường nội địa và khu vực.

- Sự ổn định về chính trị - xã hội là một nhân tố thuận lợi cho phát triển kinh tế. Các chính sách đối ngoại đa phương, an ninh quốc gia ổn định cùng với môi trường thể chế nhanh chóng hoàn thiện cũng là một lợi thế lớn.

- Quá trình CNH, HĐH và ĐTH đang tiếp tục diễn ra mạnh mẽ ứng với sự chỉ đạo và đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước. Việc phát triển cân đối giữa các ngành nghề, khu vực và vùng miền trong cả nước được các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương đều quan tâm và theo dõi chặt chẽ.

- Việt Nam tiếp tục mở cửa các loại thị trường theo đúng lộ trình cam kết của WTO, đang đẩy mạnh nhiều hoạt động hợp tác khu vực và song phương. Do vậy, mở ra nhiều cơ hội hợp tác kinh tế và tham gia ngày càng sâu vào phân công lao động quốc tế, gắn kết sản xuất trong nước với các chuỗi giá trị toàn cầu. .

Ngoài ra, Việt Nam còn là nước đi sau, nên có điều kiện rút kinh nghiệm, học được những bài học thành công cũng như thất bại của các nước đi trước trong các lĩnh vực quản lý kinh tế vĩ mô, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc....

Như vậy, với điểm xuất phát mới, nước ta có nhiều cơ hội phát triển kinh tế, nhất là chuyển đổi cơ bản, nhanh chóng cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Với những thuận lợi như vậy, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã đề ra mục tiêu “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt

đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”<sup>4</sup>.

Tuy nhiên, cho dù sẽ trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 thì nông nghiệp và nông thôn Việt nam sẽ vẫn là khu vực đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đất nước, là nơi cần có sự quan tâm đúng tầm của Nhà nước. Từ nay đến lúc đó, nông nghiệp và nông thôn vẫn sẽ là khu vực có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo, là địa bàn tạo việc làm cho một nửa lao động đất nước, nơi mà phần lớn người nghèo sinh sống.

### **\* *Bối cảnh kinh tế - xã hội ở nông thôn***

Sau gần 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân luôn là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước, chính vì vậy đã có rất nhiều chủ trương, chính sách được ban hành về vấn đề này. Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2000-2007 đã có 34 Nghị định và Quyết định được ban hành riêng về lĩnh vực chính sách đầu tư, hỗ trợ cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Đặc biệt, trong những năm gần đây, nhất là từ khi có Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thì khu vực này lại tiếp tục nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Chính phủ bằng việc ban hành hàng loạt các Nghị quyết, Quyết định quan trọng, thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Từ 2008 đến nay<sup>5</sup>, Chính phủ đã ban hành 8 Nghị quyết, 45 Nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 137 Quyết định có liên quan về thực hiện các dự án, chương trình, Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình hỗ trợ có mục tiêu, quản lý vốn ODA, trái phiếu Chính phủ, tín dụng ngân hàng và các chủ trương cụ thể cho đầu tư liên quan đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Các Bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành 138 Thông tư, Thông tư liên bộ hướng dẫn các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ .v.v. Như vậy có thể thấy, chưa bao giờ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn được ban hành nhiều như trong thời gian qua.

Kết quả là sản xuất nông nghiệp đã có sự phát triển mạnh, đã hình thành nhiều vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa, nhiều loại hàng hóa nông sản của Việt Nam đã xác định và chiếm vị trí quan trọng trên thị trường thế giới như lúa gạo, cà phê, cao su, hàng thủy sản, điều, tiêu.... Bộ mặt nông thôn được thay đổi, nhất là hệ thống kết cấu hạ tầng được cải thiện đáng kể. Đời sống vật chất và tinh thần của

<sup>4</sup> Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2006. (tái bản)

<sup>5</sup> Theo Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII - tháng 6/2013.

người dân nông thôn được nâng lên đáng kể, diện mạo nông thôn nhiều vùng quê đổi thay và phát triển theo hướng tích cực. Nông nghiệp đã đạt tốc độ tăng trưởng cao và tăng đều qua các năm, bảo đảm được an ninh lương thực, kim ngạch xuất khẩu tăng. Có thể nói, phát triển nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo là một trong những thành tựu kinh tế lớn nhất của nước ta trong thời kỳ đổi mới.

- Công nghiệp hóa và đô thị hoá ngày càng lan rộng tới các vùng nông thôn Việt Nam;

- Sự mở rộng các ngành công nghiệp và dịch vụ dẫn đến việc thay đổi các hoạt động kinh tế nông thôn, lao động nông nghiệp thuần nông sẽ giảm, thay vào đó là xu thế di chuyển sang các hoạt động lao động phi nông nghiệp;

- Khoảng cách thu nhập trong các hoạt động nông nghiệp, nông thôn và các hoạt động cùng loại ở thành thị vẫn còn khoảng cách, đây vẫn là cơ hội và tạo ra xu thế di chuyển lao động từ khu vực nông thôn sang khu vực thành thị;

- Đời sống xã hội nông thôn có nhiều thay đổi mạnh mẽ, mức sống dân cư, cơ sở hạ tầng, các dịch vụ ở nông thôn đều chuyển biến.

Sản xuất nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam đã và đang chuyển dần sang sản xuất hàng hóa. Nhiều định chế về thị trường ở nông thôn đã hình thành. Chính vì vậy, việc phát triển nông thôn theo hướng bền vững, tạo dựng cơ hội việc làm và nâng cao mức sống dân cư nông thôn và các chính sách chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp ngày càng trở nên bức thiết và quan trọng hơn

Tuy nhiên, lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn của nước ta vẫn còn đang gặp rất nhiều khó khăn. Sản xuất nông nghiệp tuy vẫn tăng nhưng đang đứng chững lại và có xu hướng tụt giảm. Hầu hết hàng hóa nông sản xuất khẩu chủ yếu dưới dạng nguyên liệu hoặc sơ chế nên giá trị gia tăng thấp, khả năng cạnh tranh kém. Mặc dầu kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản tuy vẫn tăng nhưng đã cho thấy sự chững lại trong những năm gần đây. Khu vực nông nghiệp, nông thôn đóng góp đáng kể cho nền kinh tế, nhất là đã làm tốt vai trò “bệ đỡ” khi nền kinh tế gặp khó khăn do ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng từ bên ngoài nhưng đầu tư trở lại nông nghiệp, nông thôn chưa tương xứng, bất bình đẳng giữa thành thị - nông thôn có xu hướng tăng lên, đời sống một bộ phận người dân nông thôn nhất là tại các vùng sâu, vùng xa còn gặp rất nhiều khó khăn.

Như vậy, với tính chất và đặc thù của nông nghiệp, nông thôn và những khó khăn, bất cập nêu trên đang trở thành lực cản cho công cuộc CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, việc đẩy nhanh phát triển khu vực này trong thời gian tới còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức và với khối lượng công việc đồ sộ cần thực hiện. Một trong những khó khăn hiện nay đối với nông nghiệp, nông thôn là phát triển nông nghiệp đang chậm lại, tốc độ tăng của xuất khẩu nông sản giảm nhanh mà

một trong những nguyên nhân quan trọng là sản xuất không gắn được với thị trường, liên kết của người nông dân rất yếu vì vậy sản phẩm làm ra khó tiêu thụ. Trong chuỗi giá trị hàng nông sản, tác nhân đầu tàu là doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn chưa phát huy được vai trò của mình.

Nhằm phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7, khóa X đã đề ra những mục tiêu khá cụ thể cho ngành nông nghiệp từ nay đến năm 2020. Đó là: *“Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt 3,5 - 4%/năm; sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm và hiệu quả; duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài. Nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp 2,5 lần so với hiện nay”*.

Lao động nông nghiệp còn khoảng 30% lao động xã hội, tỉ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xoá đói, giảm nghèo.

Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Trước những thay đổi của bối cảnh trong nước và quốc tế nêu trên mà Đại hội XI của Đảng đã nhấn mạnh : *“Phải đặc biệt coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển..., Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh”*. Đây cũng là những yêu cầu đặt ra đối với việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp sang phát triển theo chiều sâu, *“Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững”* mà Đại hội XI của Đảng xác định, với những định hướng chủ yếu : Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới để phát triển sản xuất hàng hóa lớn với năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao,...Xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với từng loại cây, con,...Gắn kết chặt chẽ, hài hoà lợi ích giữa người sản xuất, người chế biến và người tiêu thụ, giữa việc áp dụng kỹ thuật và công nghệ với tổ chức sản xuất, giữa phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới. Đổi mới cơ bản phương thức tổ chức kinh doanh nông sản ... Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại trong sản xuất, chế biến, bảo quản; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học để tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, tăng

nhanh giá trị gia tăng trên một đơn vị đất canh tác. Hỗ trợ phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao”.

### ***c. Cơ hội và thách thức***

Thực hiện những nhiệm vụ do Đảng đề ra đối với nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ nặng nề do từ nay đến năm 2020 thời gian không còn nhiều. Chúng ta cũng đang có cả những cơ hội và thách thức phía trước

#### *Những cơ hội*

Những cơ hội mới bên ngoài và bên trong đã và đang đặt ra những thời cơ cho thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong những năm tới đây, cụ thể là:

- Bản chất con người Việt Nam chịu thương chịu khó, sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và luôn trung thành với đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

- Tăng trưởng kinh tế nước ta tuy chưa ổn định, nhưng luôn ở mức cao; trình độ dân cư ngày càng được nâng lên, lượng vốn (tiền tích trữ) của người dân đã và đang chuyển vào các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Khoa học công nghệ ngày nay phát triển nhanh chóng, thể hiện sức lan tỏa, tác dụng lớn trong nhiều ngành nghề, lĩnh vực sản xuất - kinh doanh và được ứng dụng mạnh mẽ. Do vậy, việc chuyển giao, tiếp thu, mua bán công nghệ để mở ra cơ hội tăng năng suất, tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm trở nên dễ dàng hơn.

- Vốn đầu tư linh động và dồi dào trên toàn cầu sẵn sàng đổ đến những địa phương, ngành hàng, tổ chức đầu tư có lợi nhuận cao, rủi ro thấp và thủ tục thuận lợi.

- Thị trường mở rộng và giá cao đối với nông sản, dịch vụ đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn vệ sinh, có giá trị văn hoá, không gây ô nhiễm môi trường.

#### *Một số thách thức*

Đối với nước ta, trong thời gian tới, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá sẽ tiếp tục với tốc độ nhanh, tạo ra nhiều việc làm, mở rộng thị trường, cung cấp nhiều hàng hoá và dịch vụ cho nông nghiệp. Tuy nhiên, quá trình này cũng lấy đi ngày càng nhiều các tài nguyên như đất đai, nguồn nước, lao động,... gây ra nguy cơ ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, xáo trộn và mâu thuẫn xã hội.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ diễn ra với tốc độ nhanh hơn, một mặt mở ra những thị trường to lớn cho nông sản và dịch vụ Việt Nam, mở ra cơ hội thu hút đầu tư, tiếp thu công nghệ và kỹ năng quản lý, mặt khác cũng đặt những người sản xuất, kinh doanh Việt Nam trước sự cạnh tranh gay gắt với hàng hoá dịch vụ quốc tế có chất lượng cao hơn và khả năng cạnh tranh mạnh hơn. Quá trình hội nhập cũng mở ra

những thách lớn về rào cản kỹ thuật, về biến động giá cả, về đe dọa dịch bệnh và các tranh chấp đối với người sản xuất, kinh doanh Việt Nam.

Khoa học công nghệ trong tương lai sẽ là động lực quan trọng tạo nên năng suất, chất lượng và giá thành sản phẩm mới, trực tiếp thay đổi cơ cấu và tổ chức sản xuất nông nghiệp. Đây là cơ hội mới mà nông dân Việt Nam phải nắm bắt. Mặc khác, tình trạng sản xuất manh mún, điều kiện kết cấu hạ tầng kém phát triển ở nông thôn, trình độ tay nghề thấp và thu nhập thấp của nông dân sẽ cản trở việc áp dụng khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó, sự lạm dụng hoá chất và cơ giới hoá, sự bất cẩn trong việc áp dụng công nghệ sinh học, trong việc nội các giống cây, con cũng có thể dẫn tới mất cân bằng sinh thái, làm ô nhiễm môi trường, làm xói mòn đa dạng sinh học.

Cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu trước mắt sẽ làm tăng giá thành sản xuất nông nghiệp, về lâu dài sẽ buộc loài người thay đổi công nghệ, mở ra những chân trời mới về năng lực và phương thức tổ chức sản xuất. Cuộc khủng hoảng lương thực thực phẩm trước mắt tạo ra nguy cơ mở rộng khoảng cách giàu nghèo, gây mâu thuẫn xã hội và chính trị, về lâu dài cũng tạo ra cơ hội mới cho các nước nghèo đang mở rộng sản xuất nông nghiệp, thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo sức ép thúc đẩy quá trình tự do hoá thương mại theo hướng tái lập công bằng, mở cửa mậu dịch nông sản quốc tế. Tình trạng bệnh dịch gia tăng một mặt đe dọa thu nhập của người sản xuất và kinh doanh, đời sống của người tiêu dùng, mặt khác cũng tạo động lực thúc đẩy các cải tổ triệt để trong việc tổ chức lại bộ máy quản lý dịch vụ công và tái tổ chức lại hệ thống sản xuất, hệ thống tiếp thị và quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm ở các quốc gia, nhất là những nước đang phát triển, theo hướng bền vững và hiệu quả.

Đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn còn tồn tại những vấn đề các vấn đề đang đặt ra thách thức đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động nông thôn, như:

- Nhu nhập trong các hoạt động nông nghiệp còn thấp và bấp bênh, thời gian lao động nông nhàn còn ở mức cao.

- Quá trình CNH, HĐH và ĐTH đang diễn ra tràn lan, song không đi kèm với việc chuyển dịch ngành nghề.

- Việc bất bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ cơ bản của người dân ở nông thôn đang có xu hướng gia tăng.

- Trong nông thôn đang thừa lao động giản đơn, thiếu lao động có kỹ năng, tay nghề và sự bất cập trong nhu cầu lao động chất lượng cao và trình độ, năng lực đào tạo hiện tại vẫn đang xảy ra; Hiện tượng di dân từ nông thôn ra thành thị và các khu kinh tế tập trung vẫn là xu hướng chính, lực lượng này lại là lực lượng lao động chính, có tay nghề và trình độ chuyên môn, dẫn đến việc thiếu lao động tay nghề ở nông thôn và hiện tượng “người già và trẻ em” ở nhiều làng quê trở nên phổ biến hơn;

Trong những năm tới đây, nếu các vấn đề nông nghiệp, nông thôn nêu trên không được giải quyết thì các vấn đề như:

- Việc bản cùng hoá nông dân, vắt kiệt tài nguyên nông thôn để tích lũy tư bản cho công nghiệp và đô thị thì mâu thuẫn quyền lợi sẽ gây bất ổn xã hội và đảo lộn chính trị.

- Khi kinh tế đã phát triển, cam kết hội nhập kinh tế quốc tế về mở cửa thị trường không cho phép các quốc gia trợ cấp ồ ạt hoặc bảo vệ quá mức cho nông nghiệp.

- Môi trường đã bị phá đến mức giới hạn, diễn biến khí hậu và cân bằng sinh thái không cho phép khai thác bừa bãi tài nguyên, làm ô nhiễm môi trường ngay từ giai đoạn ban đầu.

- Tự do hoá thương mại tạo môi trường cạnh tranh quyết liệt, không thể bán nông sản giá rẻ, chất lượng thấp của kinh tế nông thôn ngay cả ở thị trường trong nước.

- Cạnh tranh công nghệ đang tiến theo xu hướng thu hút nhiều vốn, giảm lao động, không thể phát triển một nền công nghiệp thu hút nhiều lao động dù là trong một giai đoạn.

Tất cả những thách thức và cơ hội trên đặt Việt Nam trước quyết tâm lớn phải xây dựng một chiến lược và hệ thống chính sách cho phù hợp với bối cảnh thay đổi trên thế giới và trong nước. Mục tiêu giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn trong quá trình CNH, HĐH và ĐTH có được thành công như mục tiêu của Đảng và Nhà nước đề ra hay không phụ thuộc rất lớn vào các cơ chế, chính sách được ban hành và thực hiện, sự phục hồi của nền kinh tế thế giới và xu thế, động lực phát triển kinh tế ở trong nước.

### ***1.3.2 Định hướng phát triển của kinh tế nông thôn Việt Nam thời gian tới***

Đứng trước thời cơ và thách thức mới như nêu trên, phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời gian tới cần đảm bảo các định hướng sau:

#### ***1. Kiên trì đường lối đổi mới, tiếp tục giải phóng và phát huy cao các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá***

- Đẩy nhanh và sớm hoàn thiện quy hoạch xây dựng nông thôn gắn với quy hoạch đô thị về nông thôn, quy hoạch sản xuất nông nghiệp để làm cơ sở, căn cứ cho xây dựng và thực hiện nhanh các chương trình phát triển nông thôn.

- Hoàn thiện công tác quy hoạch tổng thể sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản để làm cơ sở cho kế hoạch đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và quản lý nhà nước. Ưu tiên sớm làm rõ các quy hoạch phát triển các vùng



sản xuất tập trung cây lúa, cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi lợn, bò, gia cầm và nuôi trồng thủy sản gắn với quy hoạch các nhà máy chế biến nông sản, xuất khẩu.

## ***2. Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hoá lớn, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh***

- Tạo sự đột phá về tổ chức và quản lý quy hoạch cùng với hoàn thiện cơ sở pháp lý và cơ chế chính sách để thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà. Trong quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển nông nghiệp thì đầu tư của Nhà nước cần thể hiện vai trò chính, thúc đẩy các loại hình doanh nghiệp cùng đầu tư để công nghiệp hóa, hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tập trung nguồn lực cho phát triển một số ngành hàng chiến lược, những ngành hàng mà Việt Nam có lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế.

- Đảm bảo an ninh lương thực trong mọi tình huống, có biện pháp hữu hiệu để giữ đất canh tác tốt cho sản xuất nông nghiệp tránh công nghiệp hoá và đô thị hoá tràn lan, an ninh lương thực vững chắc không chỉ trong những năm trước mắt mà cho cả các thế hệ mai sau.

## ***3. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các hoạt động phi nông nghiệp trong nông thôn, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với vùng nguyên liệu và thị trường.***

- Khuyến khích thúc đẩy phát triển hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và dịch vụ ở nông thôn làm cơ sở tạo việc làm, tăng nhanh hơn thu nhập cho dân cư nông thôn.

- Khuyến khích các loại hình doanh nghiệp đầu tư về nông thôn qua đó tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút lao động dư thừa từ nông nghiệp, tăng thu nhập, chuyển dịch việc làm cho lao động nông nghiệp, cải thiện đời sống nông dân một cách cơ bản, lâu dài.

- Phát triển kinh tế nông thôn cần theo hướng lựa chọn các lĩnh vực, ngành nghề nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ hợp lý theo lợi thế và vị trí địa lý nông

thôn. Không rập khuôn máy móc một mô hình nông thôn, mà có nhiều vùng nông thôn khác nhau, trong đó có vùng nông thôn với kinh tế thuần nông giá trị cao, kết hợp sinh thái, tạo môi trường cảnh quan, phòng hộ; có vùng nông thôn kết hợp nông nghiệp, công nghiệp và có vùng nông thôn kết hợp cả nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

#### ***4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên cho công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ lao động nông thôn***

- Nhà nước ban hành chiến lược và chương trình cụ thể và hợp lý về đào tạo và đào tạo lại, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời gian tới để họ có thể “nắm bắt” được các cơ hội việc làm. Nếu không làm được điều này, lao động trong nước nói chung và lao động nông thôn nói riêng có thể sẽ mất cơ hội việc làm “ngay trên sân nhà” do lao động có kỹ năng hơn của các nước trong vùng có thể “tràn vào” nước ta (trong khuôn khổ cho phép của pháp luật Việt Nam).

- Nâng cao trình độ, năng lực và khả năng tiếp thu kiến thức mới của người lao động. Nhà nước có những chương trình đào tạo (hoặc đào tạo lại) phù hợp với từng nhóm lứa tuổi, giới tính ở nông thôn, đào tạo nghề gắn kết với các doanh nghiệp, các cơ sở sẽ sử dụng lao động được đào tạo. Công tác đào tạo nghề nhất thiết cần được xã hội hoá cao hơn nữa.

#### ***5. Tăng cường đầu tư và trợ giúp kỹ thuật, công nghệ cho các tiểu ngành có giá trị gia tăng cao trong nông nghiệp để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu lao động trong nội bộ ngành nông nghiệp Việt Nam đáp ứng tốt yêu cầu của một nền nông nghiệp hiện đại và hiệu quả***

- Nhà nước có các chính sách tăng cường đầu tư và trợ giúp các hoạt động kỹ thuật, khuyến nông, phát triển kết cấu hạ tầng v.v... cho những tiểu ngành có giá trị gia tăng cao trong nông nghiệp như chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, thủy sản, khai thác thế mạnh của rừng v.v... để các ngành này phát triển mạnh mẽ hơn, từ đó thu hút được một tỷ lệ lớn hơn lao động sang các tiểu ngành này.

- Nhà nước tiếp tục dành vốn thích đáng đầu tư cho cơ sở hạ tầng ở nông thôn trong thời gian tới. Tập trung vào xây dựng hệ thống đường nông thôn, hệ thống thủy lợi, hệ thống nước sinh hoạt, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống các trường học, trạm y tế v.v...

#### ***6. Đổi mới mạnh mẽ chính sách phát triển kinh tế nông thôn***

- Giải quyết tốt và hài hoà vấn đề nông thôn giữa các vùng. Thực hiện chủ trương và giải pháp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phải chú trọng phát huy triệt để các lợi thế, đồng thời giải quyết cụ thể các khó khăn đang hạn chế ở từng vùng, nhất là những vùng kém phát triển, để nhanh chóng thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững.

- Thúc đẩy chuyển dịch nhanh và bền vững một bộ phận lao động nông nghiệp sang các lĩnh vực khác theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế từng vùng nông thôn, tăng thu nhập cho lao động nông thôn bằng phát triển nhiều việc làm theo lợi thế từng vùng.

- Tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn. Trong vốn đầu tư vào kết cấu hạ tầng nông thôn cần dành tỷ lệ hợp lý cho công tác dạy nghề cho nông dân bao gồm đào tạo nghề mới, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp giá trị cao, kiến thức phát triển các nghề phi nông nghiệp bao gồm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trong nông thôn. Ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ nghề nghiệp cho các hộ nghèo. coi đầu tư và dạy nghề cho nông dân là đầu tư vào kết cấu hạ tầng mềm ở nông thôn.

- Đầu tư kết cấu hạ tầng cứng cần chú trọng ưu tiên các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, vùng làng nghề và các khu, cụm công nghiệp nông thôn. Ưu tiên vốn và cán bộ kỹ thuật cho các làng nghề truyền thống, nhất là chế biến nông, lâm, thủy sản ở nông thôn.

- Chưa giảm đầu tư trực tiếp ngân sách vào phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng đầu tư gián tiếp qua tín dụng đầu tư. Đầu tư trực tiếp của ngân sách Nhà nước chỉ nên tập trung vào xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn như: điện, thủy lợi (hệ thống kênh cấp I, cấp II), đường giao thông, trạm trại nghiên cứu khoa học, thực nghiệm, các công trình hạ tầng sau thu hoạch.

### ***7. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách xã hội trong nông thôn***

- Thực hiện chính sách an sinh xã hội hợp tình hợp lý đối với những người trong diện bị thu hồi đất. Cần kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai, đảm bảo sinh kế cho nông dân.

- Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ và có hiệu quả chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Có chiến lược để đạt được dân số ổn định trong tương lai và coi đây

là một trong những vấn đề có tính chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Có chính sách giúp đỡ và tạo điều kiện cho lao động từ nông thôn ra thành phố làm việc ổn định cuộc sống, đặc biệt để họ được tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội ở các khu công nghiệp và đô thị

- Nhà nước quan tâm giúp đỡ các đối tượng yếu thế và người nghèo trong xã hội; tiếp tục đẩy mạnh các chính sách xoá đói giảm nghèo nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa thành thị và nông thôn và giúp người nghèo vượt qua những thời kỳ khó khăn.

#### ***8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước trong nông thôn***

- Đổi mới nhận thức để thống nhất trong quan điểm chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các ngành các cấp, từ TW đến cấp tỉnh, huyện và xã về phát triển nông thôn.

- Nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện các quy định của luật pháp trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh nông nghiệp và phát triển các hoạt động kinh tế-xã hội ở nông thôn. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện nghiêm các cơ chế, chính sách, luật pháp đã ban hành về chức năng, vai trò quản lý của Nhà nước trong nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

- Hoàn thiện chức bộ máy quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của UBND cấp huyện và xã nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của các cấp này. Nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn của đội ngũ công chức nhà nước cấp huyện và xã thông qua đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm quản lý kinh tế, tài chính nông nghiệp theo cơ chế thị trường

### **Tài liệu tham khảo**

1. GT,TS. Hoàng Ngọc Hòa (2008): Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. NXB Chính trị quốc gia
2. Ngân hàng Thế giới (2007): Báo cáo phát triển thế giới 2008 – Tăng cường nông nghiệp cho phát triển. NXB Văn hóa Thông tin.
3. Lê Xuân Bá (2009): Đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.02.01/06-10 "Nghiên cứu dự báo chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn và các giải pháp giải quyết việc làm trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá ở nước ta".
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo đánh giá kết quả huy động vốn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm giai đoạn 2009-2013.
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2013): Đánh giá tác động của việc thực hiện các cam kết WTO và khu vực đối với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.
6. Đặng Kim Sơn (2001): Công nghiệp hóa từ nông nghiệp – Lý luận và thực tiễn áp dụng ở Việt Nam. NXB Nông nghiệp